

Số: **62** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

**Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương
Quý I năm 2022**

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2022, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý I năm 2022 đạt 8.638 tỷ đồng, bằng 35,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 156,5% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 5.494 tỷ đồng, bằng 32,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 154,1% so với cùng kỳ năm 2021.

** Đánh giá một số khoản thu:*

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 3.745 tỷ đồng, bằng 45,2% dự toán năm, bằng 186,6% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 3.641 tỷ đồng, bằng 45,9% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 192,8% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 207 tỷ đồng, bằng 58,3% dự toán năm, bằng 146,9% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 757 tỷ đồng, đạt 25,6% dự toán năm, bằng 102,4% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 155 tỷ đồng bằng 36% dự toán năm, bằng 114% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 181 tỷ đồng bằng 30,2% dự toán năm, bằng 89,2% so với cùng kỳ năm 2021.

+ Các khoản thu còn lại đạt 450 tỷ đồng, bằng 11% dự toán năm và bằng 132,3% so với cùng kỳ năm trước;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 3.144 tỷ đồng, bằng 41,9% so với dự toán năm và bằng 161,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng đầu năm đạt cao so với dự toán tỉnh giao và tăng cao so cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá dầu thô thế giới hiện nay đang ở mức cao so với giá dầu thô dự toán trung ương giao (3 tháng đầu năm giá dầu thô bình quân là 88,5 USD/thùng, trong khi giá giao

dự toán là 60 USD/thùng), dẫn đến số thu từ NMLD Dung Quất đạt 45,9% dự toán tính và tăng 92,8% so cùng kỳ. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ khu vực DNNN (đạt 45,2%), DN có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 58,3%), khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (đạt 25,6%), Thuế thu nhập cá nhân (đạt 36%), Thuế sử dụng đất phi NN (đạt 27,1%), Thuế bảo vệ môi trường (đạt 30,2%), Phí - lệ phí (đạt 27,5%), Thu cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 106,9%), Thu khác ngân sách (đạt 30,9%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá thấp như: Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước đạt 6,0%, do chưa đến thời điểm nộp tiền thuê đất (đợt 1 chậm nhất ngày 31/5 và đợt 2 chậm nhất ngày 30/10 hàng năm); có 2 khoản chưa phát sinh thu là: Cổ tức, lợi nhuận DNNN địa phương và Thu từ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước; Thu tiền sử dụng đất đạt 7,3%, do các dự án tỉnh triển khai theo kế hoạch số 58/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND tỉnh chủ yếu thực hiện trong Quý 3 và Quý 4/2022.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 5.216 tỷ đồng, bằng 32,9% dự toán năm và bằng 172,5% so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2022 đạt 2.615 tỷ đồng, bằng 15% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 102,6% so với cùng kỳ năm 2021; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý I năm 2022 là 2.524 tỷ đồng, bằng 15,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 115,3% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 538 tỷ đồng, bằng 10,5% so với dự toán năm và bằng 145,2% so với cùng kỳ năm 2021.

- Chi thường xuyên: 1.975 tỷ đồng, bằng 22,6% so với dự toán năm và bằng 108,6% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó:

- + Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 626 tỷ đồng, bằng 18,6% dự toán năm;

- + Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 280 tỷ đồng, bằng 32,2% dự toán năm;

- + Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 382 tỷ đồng, bằng 24,8% dự toán năm;

- + Chi sự nghiệp kinh tế: 284 tỷ đồng, bằng 19,1% dự toán năm;

- + Chi đảm bảo xã hội: 212 tỷ đồng, bằng 28,8% dự toán năm;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 11,14 tỷ đồng, đạt 977% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 90,5 tỷ đồng, bằng 5,9% dự toán năm, bằng 25,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2022 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH176.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Minh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.293.100	8.638.149	35,6	156,5
I	Thu cân đối NSNN	24.210.000	8.638.149	35,7	157,2
1	Thu nội địa	16.710.000	5.494.504	32,9	154,1
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.500.000	3.143.645	41,9	161,2
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	83.100		0,0	0,0
B	TỔNG CHI NSDP	17.471.289	2.615.102	15,0	102,6
I	Chi cân đối NSDP	15.927.762	2.524.546	15,8	115,3
1	Chi đầu tư phát triển	5.108.100	538.565	10,5	145,2
2	Chi thường xuyên	8.737.324	1.974.841	22,6	108,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.000	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	11.140	977,2	977,2
5	Dự phòng ngân sách	312.310			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.764.888			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.543.527	90.556	5,9	25,2
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	83.100			
D	CHI TRẢ NỢ GÓC				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	24.293.100	8.638.149	35,6	156,5
I	Thu nội địa	16.710.000	5.494.504	32,9	154,1
1	Thu từ khu vực DNNN	8.289.000	3.744.575	45,2	186,6
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	354.000	206.554	58,3	146,9
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.956.000	757.118	25,6	102,4
4	Thuế thu nhập cá nhân	431.000	155.153	36,0	114,0
5	Thuế bảo vệ môi trường	600.000	181.150	30,2	89,2
6	Lệ phí trước bạ	220.000	51.975	23,6	96,5
7	Thu phí, lệ phí	168.000	46.225	27,5	101,5
8	Các khoản thu về nhà, đất	3.356.000	230.846	6,9	156,4
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	1.354	27,1	170,6
-	Thu tiền sử dụng đất	3.100.000	226.422	7,3	166,9
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	51.000	3.049	6,0	27,5
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	200.000	21	0,0	175,0
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	35.000	37.426	106,9	694,7
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000		0,0	
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	95.000	21.883	23,0	76,3
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	9.000	1.272	14,1	114,0
13	Thu khác ngân sách	195.000	60.327	30,9	103,8
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.500.000	3.143.645	41,9	161,2
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.035.000	2.991.052	42,5	165,3
2	Thuế xuất khẩu	210.000	35.339	16,8	56,0
3	Thuế nhập khẩu	200.000	95.666	47,8	153,1
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	55.000	20.438	37,2	146,4
6	Thu khác		1.150		195,2
IV	Thu viện trợ				
V	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	83.100		0	0
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	15.844.662	5.215.689	32,9	172,5
1	Từ các khoản thu phân chia	11.822.282	4.755.880	40,2	1.399,5
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.022.380	459.809	11,4	17,1

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	17.471.289	2.615.102	15,0	102,6
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15.927.762	2.524.546	15,8	115,3
I	Chi đầu tư phát triển	5.108.100	538.565	10,5	145,2
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.078.100	507.865	10,0	144,9
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	30.700	102,3	149,8
II	Chi thường xuyên	8.737.324	1.974.841	22,6	108,6
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.365.761	625.626	18,6	100,0
2	Chi khoa học và công nghệ	27.815	5.887	21,2	127,6
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	868.486	280.023	32,2	104,2
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	107.682	23.393	21,7	99,0
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.329	6.750	18,6	114,4
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	46.087	5.921	12,8	127,9
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	100.101	34.463	34,4	161,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.492.660	284.577	19,1	154,4
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.541.677	381.993	24,8	95,3
10	Chi bảo đảm xã hội	736.003	211.635	28,8	115,4
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	4.000		0	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	11.140	977,2	977,2
V	Dự phòng ngân sách	312.310			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.764.888			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.543.527	90.556	5,9	25,2
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.467.761	90.556	6,2	28,1
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	75.766		0	0